BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5761 /QĐ-ĐHNL-ĐT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành "Quy chế đào tạo trình độ Đại học";

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên;

Căn cứ Quyết định số 4100/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành 'Quy chế đào tạo áp dụng cho bậc Đại học theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ vào biên bản đề nghị xét tốt nghiệp của Phân hiệu Ninh Thuận, các Khoa liên quan;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường ngày 15 tháng 12 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho **571** sinh viên Đại học hệ chính quy; **01** sinh viên Cao đẳng hệ chính quy.

(*Danh sách đính kèm*)

Điều 2. Sinh viên có tên trong Điều 1 được nhận bằng tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng theo đúng quy chế của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo đã ban hành sau khi hoàn tất các thủ tục theo quy định của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các Khoa, Giám đốc Phân hiệu Ninh Thuận, các đơn vị có liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- PHNT,Các Khoa (để thực hiện);
- P.CTSV, P.KHTC (phối hợp thực hiện);
- TT.HTSV&QHDN (tổ chức Lễ tốt nghiệp);
- Lưu: HC, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ban hành kèm theo Quyết định số 0761 /QĐ-ĐHNL-ĐT ký ngày 24/12/2024 của Hiệu trưởng

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
Cơ khí công nghệ								
DH16NL								
1	16137072	Nguyễn Viết	Thanh	27/10/1997	Nam	2.50	Khá	2767/2024/DHCQ_NLU
DH16TD								
1	16138003	Nguyễn Tiểu	Bang	12/10/1998	Nam	2.73	Khá	2768/2024/DHCQ_NLU
2	16138016	Nguyễn Gia	Đạt	23/11/1997	Nam	2.73	Khá	2769/2024/DHCQ_NLU
DH17CC								
1	17118126	Nguyễn Thành	Trung	01/02/1999	Nam	2.35	Trung bình	2770/2024/DHCQ_NLU
DH17CD								
1	17153023	Nguyễn Hùng	Duy	05/01/1999	Nam	2.68	Khá	2771/2024/DHCQ_NLU
DH17CKC								
1	17118146	Lê Nguyễn Mai	Phương	13/04/1999	Nam	2.53	Khá	2772/2024/DHCQ_NLU
DH17OT								
1	17154015	Hồ Thanh	Điền	10/04/1999	Nam	2.84	Khá	2773/2024/DHCQ_NLU
DH17TD								
1	17138001	Huỳnh Hoài	Bảo	10/03/1999	Nam	2.56	Khá	2774/2024/DHCQ_NLU
DH18CC								
1	18118057	Trần Trọng	Khiêm	27/03/2000	Nam	2.45	Trung bình	2775/2024/DHCQ_NLU
DH18CD								
1	18153009	Ngô Mạnh	Cường	11/02/2000	Nam	2.29	Trung bình	2776/2024/DHCQ_NLU
DH18NL								
1	18137029	Nguyễn Huỳnh	Nam	08/02/2000	Nam	2.69	Khá	2777/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH18OT								
1	18154019	Huỳnh Công	Danh	19/08/2000	Nam	2.90	Khá	2778/2024/DHCQ_NLU
DH18TD								
1	18138023	Trần Trường	Giang	09/05/2000	Nam	2.79	Khá	2779/2024/DHCQ_NLU
DH19CD								
1	19153071	Nguyễn Cao	Thắng	10/07/2001	Nam	2.52	Khá	2780/2024/DHCQ_NLU
DH19NL								
1	19137044	Nguyễn Hoàng	Ngoan	17/01/2001	Nam	2.67	Khá	2781/2024/DHCQ_NLU
2	19137059	Hồ Anh	Tài	26/12/2000	Nam	2.43	Trung bình	2782/2024/DHCQ_NLU
3	19137070	Nguyễn Quốc	Thành	08/03/2001	Nam	2.56	Khá	2783/2024/DHCQ_NLU
DH19OT								
1	19154012	Nguyễn Minh	Chiến	08/06/2001	Nam	2.53	Khá	2784/2024/DHCQ_NLU
2	19154122	Trần Lê Hữu	Phước	27/07/2001	Nam	2.91	Khá	2785/2024/DHCQ_NLU
3	19154123	Phạm Minh	Phương	04/03/2001	Nam	2.53	Khá	2786/2024/DHCQ_NLU
4	19154136	Phạm Văn	Tân	25/09/2001	Nam	2.56	Khá	2787/2024/DHCQ_NLU
5	19154139	Dương Bảo	Thái	31/03/2000	Nam	2.60	Khá	2788/2024/DHCQ_NLU
DH19TD								
1	19138005	Lê Thái Hoàng An	Cát	16/07/2001	Nam	2.59	Khá	2789/2024/DHCQ_NLU
2	19138044	Đặng Thành	Long	06/11/2000	Nam	2.87	Khá	2790/2024/DHCQ_NLU
DH20CC								
1	20118156	Đặng Chánh	Hậu	15/08/2002	Nam	2.87	Khá	2791/2024/DHCQ_NLU
DH20CD								
1	20153061	Ma Văn	Danh	02/02/2002	Nam	2.69	Khá	2792/2024/DHCQ_NLU
2	20153076	Nguyễn Trung	Hiếu	25/03/2002	Nam	2.79	Khá	2793/2024/DHCQ_NLU
3	20153091	Nguyễn Đình	Khiêm	20/06/2002	Nam	2.16	Trung bình	2794/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH20CK								
1	20118149	Nguyễn Văn	Duy	27/02/2002	Nam	2.56	Khá	2795/2024/DHCQ_NLU
2	20118210	Đào Nguyễn Trung	Nguyên	17/07/2002	Nam	2.72	Khá	2796/2024/DHCQ_NLU
3	20118274	Nguyễn Trọng	Triết	11/03/2002	Nam	2.52	Khá	2797/2024/DHCQ_NLU
4	20118292	Trần Quốc	Vương	16/07/2002	Nam	2.55	Khá	2798/2024/DHCQ_NLU
DH20NL								
1	20137099	Phạm An	Ninh	13/02/2002	Nam	3.02	Khá	2799/2024/DHCQ_NLU
DH20OT								
1	20154006	Nguyễn Xuân	Bách	28/04/2002	Nam	2.51	Khá	2800/2024/DHCQ_NLU
2	20154075	Nguyễn Tuấn	Vũ	09/07/2002	Nam	2.59	Khá	2801/2024/DHCQ_NLU
3	20154108	Nguyễn Trung	Dũng	25/02/2002	Nam	2.91	Khá	2802/2024/DHCQ_NLU
4	20154126	Võ Công	Hiển	28/03/2002	Nam	2.71	Khá	2803/2024/DHCQ_NLU
5	20154168	Đậu Phương	Nam	30/11/2002	Nam	2.60	Khá	2804/2024/DHCQ_NLU
6	20154179	Trương Quốc	Nguyễn	26/06/2002	Nam	3.46	Giỏi	2805/2024/DHCQ_NLU
7	20154181	Phạm Hoàng	Nhân	01/01/2001	Nam	2.73	Khá	2806/2024/DHCQ_NLU
8	20154188	Cao Quan	Phú	10/06/2002	Nam	2.61	Khá	2807/2024/DHCQ_NLU
9	20154191	Nguyễn Hoàng	Phúc	28/02/2002	Nam	2.49	Trung bình	2808/2024/DHCQ_NLU
10	20154197	Đỗ Anh	Quân	15/10/2002	Nam	2.50	Khá	2809/2024/DHCQ_NLU
11	20154203	Hồ Văn Ngọc	Quí	07/08/2002	Nam	2.79	Khá	2810/2024/DHCQ_NLU
12	20154220	Nguyễn Hoàng	Thiện	03/05/2002	Nam	3.19	Khá	2811/2024/DHCQ_NLU
DH20TD								
1	20138081	Nguyễn Thái	Duy	21/12/2002	Nam	2.83	Khá	2812/2024/DHCQ_NLU
2	20138092	Trần Bá	Khang	09/04/2002	Nam	2.60	Khá	2813/2024/DHCQ_NLU
3	20138126	Lê Quang	Thắng	06/10/2002	Nam	2.92	Khá	2814/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
Chăn nuôi Thú Y								
BH17TY								
1	17612004	Nguyễn Thị Khánh	Linh	25/12/1993	Nữ	2.63	Khá	2815/2024/DHCQ_NLU
DH14TYNT								
1	14112551	Trần Lê Bảo	Cường	30/09/1996	Nam	2.51	Khá	2816/2024/DHCQ_NLU
DH16CN								
1	16111170	Trần Vũ Phước	Sang	08/09/1997	Nam	2.56	Khá	2817/2024/DHCQ_NLU
DH16DY								
1	16112568	Trịnh Xuân	Hùng	04/07/1998	Nam	2.78	Khá	2818/2024/DHCQ_NLU
DH16TY								
1	16112487	Nguyễn Minh	Cao	03/03/1997	Nam	2.56	Khá	2819/2024/DHCQ_NLU
DH16TYGLB								
1	16112360	Ngô Thị Minh	Thư	13/09/1998	Nữ	2.76	Khá	2820/2024/DHCQ_NLU
DH16TYNT								
1	16112434	Nguyễn Thị Thùy	My	20/10/1998	Nữ	3.16	Khá	2821/2024/DHCQ_NLU
DH17CN								
1	17111005	Nguyễn Thị Phương	Anh	28/11/1999	Nữ	2.91	Khá	2822/2024/DHCQ_NLU
2	17111108	Nguyễn Duy	Phú	25/12/1998	Nam	2.68	Khá	2823/2024/DHCQ_NLU
3	17111111	Trần Gia	Phúc	25/08/1999	Nam	2.18	Trung bình	2824/2024/DHCQ_NLU
4	17111166	Lê Thị Ngọc	Uyên	18/12/1999	Nữ	2.63	Khá	2825/2024/DHCQ_NLU
DH17DY								
1	17112230	Nguyễn Văn	Trí	24/04/1995	Nam	2.79	Khá	2826/2024/DHCQ_NLU
2	17112258	Nguyễn Thị Hải	Yến	09/06/1999	Nữ	2.87	Khá	2827/2024/DHCQ_NLU
3	17164023	Lai Thị Thu	Huyền	22/04/1998	Nữ	2.44	Trung bình	2828/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH17TY								
1	15112152	Phạm Trương Phương	Thanh	14/02/1997	Nữ	2.50	Khá	2829/2024/DHCQ_NLU
2	17112009	Phạm Việt	Bảo	25/11/1999	Nam	2.52	Khá	2830/2024/DHCQ_NLU
3	17112012	Vũ Yên	Bình	27/04/1999	Nữ	2.66	Khá	2831/2024/DHCQ_NLU
4	17112013	Cao Ngọc Minh	Châu	08/10/1999	Nữ	2.63	Khá	2832/2024/DHCQ_NLU
DH17TYNT								
1	17112378	Nguyễn Văn	Hùng	19/02/1999	Nam	2.61	Khá	2833/2024/DHCQ_NLU
DH18DY								
1	18112146	Uông Mai Quỳnh	Như	28/10/2000	Nữ	2.73	Khá	2834/2024/DHCQ_NLU
2	18112171	Nguyễn Minh	Quốc	15/11/2000	Nam	3.21	Giỏi	2835/2024/DHCQ_NLU
3	18112372	Lạc Vĩnh	Thành	11/05/2000	Nam	2.37	Trung bình	2836/2024/DHCQ_NLU
DH18TT								
1	17112027	Lê Thị Khánh	Dung	10/09/1999	Nữ	3.34	Giỏi	2837/2024/DHCQ_NLU
2	18112097	Nguyễn Thị Kim	Liên	14/04/2000	Nữ	2.93	Khá	2838/2024/DHCQ_NLU
3	18112138	Lê Phương Uyển	Nhi	05/12/2000	Nữ	3.44	Giỏi	2839/2024/DHCQ_NLU
4	18112191	Lê Kinh	Thành	26/10/2000	Nam	2.59	Khá	2840/2024/DHCQ_NLU
5	18112229	Dương Thị Lệ	Trinh	02/08/2000	Nữ	2.92	Khá	2841/2024/DHCQ_NLU
6	18112269	Nguyễn Thái	Bình	16/11/2000	Nữ	3.29	Giỏi	2842/2024/DHCQ_NLU
7	18112277	Châu Quốc	Khang	06/03/2000	Nam	3.24	Giỏi	2843/2024/DHCQ_NLU
8	18112278	Dương Gia	Khang	03/12/2000	Nam	2.85	Khá	2844/2024/DHCQ_NLU
9	18112280	Lê Phan Quế	Khanh	05/09/2000	Nữ	2.94	Khá	2845/2024/DHCQ_NLU
10	18112281	Đặng Anh	Khoa	07/09/2000	Nam	2.90	Khá	2846/2024/DHCQ_NLU
11	18112287	Nguyễn Tôn	Nguyên	30/10/2000	Nam	2.89	Khá	2847/2024/DHCQ_NLU
12	18112294	Phạm Thị Thùy	Quyên	26/07/2000	Nữ	3.01	Khá	2848/2024/DHCQ_NLU
DH18TY								
1	17112225	Trần Thanh	Tòng	23/10/1999	Nam	2.65	Khá	2849/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	18112041	Vương Chí	Dũng	21/01/2000	Nam	2.66	Khá	2850/2024/DHCQ_NLU
3	18112078	Trần Thị Việt	Hương	21/04/2000	Nữ	2.41	Trung bình	2851/2024/DHCQ_NLU
4	18112096	Đào Thị Kim	Liên	17/05/2000	Nữ	2.64	Khá	2852/2024/DHCQ_NLU
5	18112165	Trương Thanh	Phương	21/02/2000	Nữ	2.37	Trung bình	2853/2024/DHCQ_NLU
DH18TYGL								
1	18112318	Nguyễn Thị Phương	Thảo	25/06/2000	Nữ	2.76	Khá	2854/2024/DHCQ_NLU
2	18112375	Trần Ngọc Thanh	Toàn	24/10/2000	Nam	2.68	Khá	2855/2024/DHCQ_NLU
DH18TYNT								
1	18112341	Nguyễn Hữu	Trọng	28/12/2000	Nam	2.80	Khá	2856/2024/DHCQ_NLU
DH19CN								
1	19111038	Lê Thị Thu	Hiền	16/04/2001	Nữ	2.67	Khá	2857/2024/DHCQ_NLU
2	19111049	Nguyễn Thị Liên	Hương	01/01/2001	Nữ	2.67	Khá	2858/2024/DHCQ_NLU
3	19111068	Nguyễn Thành	Lộc	20/02/2001	Nam	2.50	Khá	2859/2024/DHCQ_NLU
4	19111079	Nguyễn Đinh Quỳnh	Ngân	24/12/2001	Nữ	2.65	Khá	2860/2024/DHCQ_NLU
5	19111087	Bùi Tấn	Phúc	26/10/2001	Nam	2.35	Trung bình	2861/2024/DHCQ_NLU
6	19111094	Nguyễn Ngọc Thiên	Phương	01/01/2001	Nữ	2.86	Khá	2862/2024/DHCQ_NLU
7	19111113	Đoàn Thị Bảo	Thu	08/04/2001	Nữ	2.90	Khá	2863/2024/DHCQ_NLU
8	19111138	Trương Tôn Thiên	Tuế	10/12/2001	Nam	2.57	Khá	2864/2024/DHCQ_NLU
9	19111148	Trần Nguyễn Thảo	Vy	26/04/2001	Nữ	2.60	Khá	2865/2024/DHCQ_NLU
DH19DY								
1	19112055	Lê Thị Thúy	Hằng	18/09/2001	Nữ	2.45	Trung bình	2866/2024/DHCQ_NLU
2	19112096	Hoàng Thị Ngọc	Loan	17/07/2001	Nữ	3.26	Giỏi	2867/2024/DHCQ_NLU
3	19112099	Nguyễn Khắc	Lợi	26/09/2001	Nam	2.53	Khá	2868/2024/DHCQ_NLU
4	19112194	Huỳnh Bảo	Trân	02/10/2001	Nữ	3.28	Giỏi	2869/2024/DHCQ_NLU
5	19112220	Đặng Thị Thảo	Uyên	08/12/2001	Nữ	2.81	Khá	2870/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH19TA								
1	19111011	Kiên Thị Thi	Đa	05/05/2001	Nữ	2.71	Khá	2871/2024/DHCQ_NLU
2	19111022	Đặng Thị Trúc	Dương	26/08/2001	Nữ	2.88	Khá	2872/2024/DHCQ_NLU
3	19111090	Nguyễn Hồng	Phúc	09/09/2001	Nữ	2.82	Khá	2873/2024/DHCQ_NLU
4	19111115	Phan Thị Anh	Thư	11/09/2001	Nữ	2.60	Khá	2874/2024/DHCQ_NLU
5	19111120	Nguyễn Anh	Thy	25/01/2001	Nữ	2.69	Khá	2875/2024/DHCQ_NLU
DH19TT								
1	19112203	Du Đức Hải	Triều	29/10/2000	Nam	3.30	Giỏi	2876/2024/DHCQ_NLU
DH19TY								
1	19112008	Phan Bảo	Anh	03/05/2001	Nữ	3.06	Khá	2877/2024/DHCQ_NLU
2	19112011	Trần Thị Vân	Anh	23/07/2001	Nữ	2.85	Khá	2878/2024/DHCQ_NLU
3	19112015	Phan Trung	Chánh	25/05/2001	Nam	2.94	Khá	2879/2024/DHCQ_NLU
4	19112017	Đoàn Minh	Chiến	09/01/2001	Nam	2.56	Khá	2880/2024/DHCQ_NLU
5	19112022	Bùi Diễm Thùy	Đan	17/07/2001	Nữ	2.99	Khá	2881/2024/DHCQ_NLU
6	19112023	Trần Công	Danh	30/07/2001	Nam	3.01	Khá	2882/2024/DHCQ_NLU
7	19112030	Nguyễn Thị Kiều	Diễn	27/02/2001	Nữ	3.58	Giỏi	2883/2024/DHCQ_NLU
8	19112035	Huỳnh Thị Phương	Dung	25/07/2001	Nữ	2.41	Trung bình	2884/2024/DHCQ_NLU
9	19112039	Ngô Minh	Dương	08/03/2001	Nam	3.04	Khá	2885/2024/DHCQ_NLU
10	19112074	Lê Thị Quỳnh	Hương	17/01/2001	Nữ	3.20	Giỏi	2886/2024/DHCQ_NLU
11	19112085	Đỗ Quang	Khánh	05/03/2001	Nam	3.61	Xuất sắc	2887/2024/DHCQ_NLU
12	19112088	Đoàn Thị Hoa	Lài	16/09/2001	Nữ	3.24	Giỏi	2888/2024/DHCQ_NLU
13	19112095	Trần Ngọc Mỹ	Linh	04/01/2001	Nữ	2.90	Khá	2889/2024/DHCQ_NLU
14	19112100	Phạm Ngọc Huỳnh	Long	27/05/2001	Nam	3.39	Giỏi	2890/2024/DHCQ_NLU
15	19112109	Tạ Thị Diễm	My	04/04/2001	Nữ	2.85	Khá	2891/2024/DHCQ_NLU
16	19112111	Nguyễn Hoài	Nam	07/02/2001	Nam	3.16	Khá	2892/2024/DHCQ_NLU
17	19112114	Nông Giang	Nam	01/06/2001	Nam	2.93	Khá	2893/2024/DHCQ_NLU
18	19112117	Huỳnh Châu	Ngân	03/10/2001	Nữ	3.33	Giỏi	2894/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
19	19112118	Lê Bảo Tuyết	Ngân	13/01/2001	Nữ	2.59	Khá	2895/2024/DHCQ_NLU
20	19112136	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	20/10/2001	Nữ	3.22	Giỏi	2896/2024/DHCQ_NLU
21	19112139	Đỗ Hồng	Nhung	28/01/2001	Nữ	2.72	Khá	2897/2024/DHCQ_NLU
22	19112143	Võ Thị Mỹ	Oanh	21/10/2001	Nữ	3.10	Khá	2898/2024/DHCQ_NLU
23	19112153	Trần Vũ Ngân	Quỳnh	06/10/2001	Nữ	3.16	Khá	2899/2024/DHCQ_NLU
24	19112158	Nguyễn Anh	Tài	22/05/2001	Nam	3.30	Giỏi	2900/2024/DHCQ_NLU
25	19112182	Phan Minh	Thuận	13/01/2001	Nam	2.65	Khá	2901/2024/DHCQ_NLU
26	19112190	Nguyễn Thái	Toàn	23/11/1996	Nam	3.03	Khá	2902/2024/DHCQ_NLU
27	19112216	Đặng Thị Thanh	Tuyền	06/04/2001	Nữ	3.15	Khá	2903/2024/DHCQ_NLU
28	19112230	Lu Nguyễn Yến	Vy	27/07/2001	Nữ	3.36	Giỏi	2904/2024/DHCQ_NLU
29	19112239	Nguyễn Thanh Ngọc	Yến	01/01/2001	Nữ	2.88	Khá	2905/2024/DHCQ_NLU
30	19112242	Lê Thị Bích	Chi	03/05/2001	Nữ	3.03	Khá	2906/2024/DHCQ_NLU
31	19112389	Danh Tâm	Đức	16/10/2000	Nam	2.40	Trung bình	2907/2024/DHCQ_NLU
32	19112930	Nguyễn Xuân	Mai	01/01/2000	Nữ	2.82	Khá	2908/2024/DHCQ_NLU
33	19112937	Trần Thị	Tuyết	19/03/1999	Nữ	2.86	Khá	2909/2024/DHCQ_NLU
DH19TYGL								
1	19112306	Trần Đình	Trung	23/10/2000	Nam	2.63	Khá	2910/2024/DHCQ_NLU
2	19112354	Nguyễn Quốc	Sinh	01/01/2001	Nam	2.40	Trung bình	2911/2024/DHCQ_NLU
3	19112407	Nguyễn Văn	Hòa	10/02/2001	Nam	2.46	Trung bình	2912/2024/DHCQ_NLU
DH19TYNT								
1	19112309	Trần Đăng	Huy	13/02/2001	Nam	3.29	Giỏi	2913/2024/DHCQ_NLU
2	19112316	Bùi Nguyễn Anh	Thư	08/06/2001	Nữ	2.64	Khá	2914/2024/DHCQ_NLU
3	19112377	Nguyễn Thị Thanh	Phụng	29/06/2000	Nữ	2.47	Trung bình	2915/2024/DHCQ_NLU
DH20CN								
1	20111119	Võ Thị Huyền	Trân	02/08/2002	Nữ	3.28	Giỏi	2916/2024/DHCQ_NLU
2	20111163	Lê Thị Thúy	An	14/12/2002	Nữ	2.76	Khá	2917/2024/DHCQ_NLU
3	20111174	Nguyễn Thị Kiều	Châu	29/03/2002	Nữ	2.98	Khá	2918/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
4	20111187	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	18/06/2002	Nữ	2.44	Trung bình	2919/2024/DHCQ_NLU
5	20111188	Nguyễn Thị Tuyết	Hằng	13/08/2002	Nữ	2.50	Khá	2920/2024/DHCQ_NLU
6	20111200	Nguyễn Thị	Hồng	06/09/2002	Nữ	2.51	Khá	2921/2024/DHCQ_NLU
7	20111301	Trần Minh	Thức	10/11/2002	Nam	2.63	Khá	2922/2024/DHCQ_NLU
DH20TA								
1	20111307	Lê Thị Cúc	Tiên	14/12/2002	Nữ	2.74	Khá	2923/2024/DHCQ_NLU
DH20TY								
1	20112112	Lê Đình	Vương	12/09/2002	Nam	3.47	Giỏi	2924/2024/DHCQ_NLU
2	20112252	Nguyễn Văn	Khánh	05/11/2002	Nam	3.73	Xuất sắc	2925/2024/DHCQ_NLU
3	20112401	Nguyễn Minh	Trung	12/09/2002	Nam	2.97	Khá	2926/2024/DHCQ_NLU
Kinh tế								
DH14KT								
1	14124499	Hoàng Cảnh	Thắng	13/06/1996	Nam	2.59	Khá	2927/2024/DHCQ_NLU
DH14TM								
1	14122040	Phan Thị Thanh	Hòa	12/12/1996	Nữ	3.16	Khá	2928/2024/DHCQ_NLU
DH17KE								
1	17123057	Trần Thị	Mỹ	13/03/1998	Nữ	2.94	Khá	2929/2024/DHCQ_NLU
2	17123075	Lưu Thị Tuyết	Nhung	31/03/1999	Nữ	2.21	Trung bình	2930/2024/DHCQ_NLU
DH17QT								
1	17122046	Lê Đông	Hòa	27/04/1999	Nam	3.22	Giỏi	2931/2024/DHCQ_NLU
DH18KE								
1	18123017	Đinh Cẩm	Đang	02/03/2000	Nữ	2.76	Khá	2932/2024/DHCQ_NLU
DH18KN								
1	18155007	Hồ Ngọc Hoàn	Châu	02/08/2000	Nữ	3.08	Khá	2933/2024/DHCQ_NLU
2	18155013	Nguyễn Thị Ngọc	Điễm	17/12/2000	Nữ	2.68	Khá	2934/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH18KT								
1	18120163	Lê Quỳnh	Như	16/12/2000	Nữ	2.86	Khá	2935/2024/DHCQ_NLU
2	18120235	Nguyễn Thị	Thủy	15/08/2000	Nữ	3.08	Khá	2936/2024/DHCQ_NLU
DH18QT								
1	18122090	Đỗ Văn	Khôi	29/01/2000	Nam	3.36	Giỏi	2937/2024/DHCQ_NLU
DH18QTC								
1	18122378	Cao Thị Quế	Chi	10/04/2000	Nữ	3.03	Khá	2938/2024/DHCQ_NLU
DH19KE								
1	19123145	Lê Thị Hoài	Thương	04/02/2001	Nữ	2.91	Khá	2939/2024/DHCQ_NLU
DH19KEGL								
1	19123223	Trịnh Ái Nhĩ	Lan	09/09/2001	Nữ	2.73	Khá	2940/2024/DHCQ_NLU
2	19123233	Nguyễn Tấn	Pháp	01/01/2001	Nam	2.26	Trung bình	2941/2024/DHCQ_NLU
DH19KENT								
1	19123211	Trần Thị Thanh	Thi	09/03/2001	Nữ	2.65	Khá	2942/2024/DHCQ_NLU
DH19KM								
1	19120060	Phan Thị Thu	Hiền	01/01/2001	Nữ	2.85	Khá	2943/2024/DHCQ_NLU
2	19120096	Ngô Văn	Lem	09/10/2001	Nam	3.12	Khá	2944/2024/DHCQ_NLU
3	19120120	Phạm Thị Thùy	My	01/02/2001	Nữ	3.40	Giỏi	2945/2024/DHCQ_NLU
4	19120243	Lê Thị Ngọc Cẩm	Vân	22/03/2001	Nữ	2.79	Khá	2946/2024/DHCQ_NLU
DH19KN								
1	19155093	Văn Nguyễn Cát	Tiên	24/04/2001	Nữ	2.39	Trung bình	2947/2024/DHCQ_NLU
DH19KT								
1	19120068	Trần Cẩm	Hoan	10/07/2001	Nữ	3.20	Giỏi	2948/2024/DHCQ_NLU
2	19120083	Nguyễn Phương	Huyền	20/02/2001	Nữ	3.33	Giỏi	2949/2024/DHCQ_NLU
3	19120124	Phạm Thị Tuyết	Nga	20/08/2001	Nữ	3.08	Khá	2950/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH19QT								
1	19122044	Huỳnh Mai	Hân	13/05/2001	Nữ	3.35	Giỏi	2951/2024/DHCQ_NLU
2	19122137	Trần Thị Thảo	My	12/10/2001	Nữ	3.22	Giỏi	2952/2024/DHCQ_NLU
3	19122227	Lê Trọng	Thạch	16/03/2001	Nam	2.72	Khá	2953/2024/DHCQ_NLU
DH19QTC								
1	19122357	Thân Thị Thu	Thanh	02/01/2001	Nữ	2.99	Khá	2954/2024/DHCQ_NLU
DH19TM								
1	19122019	Phạm Thị Anh	Đào	27/07/2001	Nữ	3.18	Khá	2955/2024/DHCQ_NLU
DH20KE								
1	20123004	Phạm Thị Hồng	Đào	26/01/2002	Nữ	3.33	Giỏi	2956/2024/DHCQ_NLU
2	20123035	Phạm Thị Thanh	Ngân	05/04/2002	Nữ	2.75	Khá	2957/2024/DHCQ_NLU
3	20123119	Hồ Thị Mai	Chi	07/11/2002	Nữ	2.52	Khá	2958/2024/DHCQ_NLU
4	20123123	Nguyễn Ngọc Phương	Dung	18/07/2002	Nữ	3.10	Khá	2959/2024/DHCQ_NLU
5	20123170	Trần Thị	Ngọc	06/01/2002	Nữ	3.05	Khá	2960/2024/DHCQ_NLU
6	20123172	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi	27/11/2002	Nữ	2.93	Khá	2961/2024/DHCQ_NLU
7	20123173	Hoàng Thị Quỳnh	Như	02/09/2002	Nữ	2.34	Trung bình	2962/2024/DHCQ_NLU
8	20123186	Nguyễn Thy	Quỳnh	07/02/2002	Nữ	2.67	Khá	2963/2024/DHCQ_NLU
9	20123206	Phan Nguyễn Anh	Thư	24/12/2002	Nữ	2.62	Khá	2964/2024/DHCQ_NLU
10	20123207	Lưu Trần Ngọc	Thuận	24/11/2001	Nữ	3.44	Giỏi	2965/2024/DHCQ_NLU
11	20123225	Lâm Thị Tú	Trinh	13/02/2001	Nữ	3.16	Khá	2966/2024/DHCQ_NLU
12	20123227	Nguyễn Lê Thanh	Trúc	05/10/2002	Nữ	2.68	Khá	2967/2024/DHCQ_NLU
DH20KENT								
1	20123247	Lưu Thị Anh	Thơ	18/03/2002	Nữ	2.57	Khá	2968/2024/DHCQ_NLU
2	20123256	Cao Thị Trung	Hậu	23/12/2002	Nữ	3.13	Khá	2969/2024/DHCQ_NLU
3	20123272	Huỳnh Thị Ái	Thơ	10/11/2002	Nữ	3.17	Khá	2970/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH20KM								
1	20120113	Nguyễn Thị Thanh	Trà	27/04/2002	Nữ	2.90	Khá	2971/2024/DHCQ_NLU
DH20KN								
1	20155036	Võ Thị Tuyết	Nhi	07/04/2002	Nữ	2.78	Khá	2972/2024/DHCQ_NLU
2	20155082	Võ Hoàng Ngọc	Anh	25/02/2002	Nữ	2.99	Khá	2973/2024/DHCQ_NLU
3	20155089	Trần Thị	Dung	22/10/2002	Nữ	2.86	Khá	2974/2024/DHCQ_NLU
4	20155110	Nguyễn Thị Thùy	Lương	01/05/2002	Nữ	2.92	Khá	2975/2024/DHCQ_NLU
5	20155124	Phan Nguyễn Huỳnh	Nghi	09/05/2001	Nữ	3.13	Khá	2976/2024/DHCQ_NLU
6	20155133	Nguyễn Hồng	Quân	07/10/2002	Nam	2.58	Khá	2977/2024/DHCQ_NLU
7	20155176	Bùi Thị Như	Ý	04/12/2002	Nữ	2.89	Khá	2978/2024/DHCQ_NLU
DH20KT								
1	20120006	Nguyễn Trương Như	Bình	17/11/2002	Nữ	2.99	Khá	2979/2024/DHCQ_NLU
2	20120036	Lương Trần Phương	Linh	13/09/2002	Nữ	3.12	Khá	2980/2024/DHCQ_NLU
3	20120132	Đinh Bạt	Vạn	07/03/2002	Nam	2.76	Khá	2981/2024/DHCQ_NLU
4	20120143	Đinh Ngọc Kim	Yến	27/02/2002	Nữ	3.53	Giỏi	2982/2024/DHCQ_NLU
5	20120157	Lê Thị Phương	Anh	22/11/2001	Nữ	3.25	Giỏi	2983/2024/DHCQ_NLU
6	20120191	Cao Nguyệt	Hoa	15/06/2002	Nữ	2.89	Khá	2984/2024/DHCQ_NLU
7	20120202	Trần Ngọc	Huy	30/04/2002	Nam	3.09	Khá	2985/2024/DHCQ_NLU
8	20120218	Trần Thị Thu	My	18/09/2002	Nữ	3.31	Giỏi	2986/2024/DHCQ_NLU
9	20120220	Nguyễn Kiều	Nga	09/06/2002	Nữ	2.91	Khá	2987/2024/DHCQ_NLU
10	20120243	Vũ Kiều	Oanh	11/06/2002	Nữ	2.85	Khá	2988/2024/DHCQ_NLU
11	20120266	Võ Kim	Soàn	07/07/2002	Nữ	3.03	Khá	2989/2024/DHCQ_NLU
12	20120283	Phan Ngọc	Thoại	03/08/2002	Nam	3.37	Giỏi	2990/2024/DHCQ_NLU
13	20120292	Dương Thị Thu	Thủy	17/01/2002	Nữ	2.88	Khá	2991/2024/DHCQ_NLU
14	20120344	Lê Tấn	Vũ	09/02/2002	Nam	2.77	Khá	2992/2024/DHCQ_NLU
15	20120357	Trần Thị Kim	Yến	06/08/2002	Nữ	3.43	Giỏi	2993/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH20PT								
1	20121016	Nguyễn Hoàng Kỳ	Diệu	28/11/2002	Nữ	2.87	Khá	2994/2024/DHCQ_NLU
DH20QT								
1	20122252	Vũ Thị Ngọc	Bích	05/02/2002	Nữ	3.38	Giỏi	2995/2024/DHCQ_NLU
2	20122255	Dương Võ Gia	Bội	09/10/2002	Nữ	2.95	Khá	2996/2024/DHCQ_NLU
3	20122313	Nguyễn Vũ	Hậu	26/07/2002	Nam	2.84	Khá	2997/2024/DHCQ_NLU
4	20122316	Nguyễn Văn	Hiếu	05/04/2002	Nam	2.94	Khá	2998/2024/DHCQ_NLU
5	20122332	Hoàng Thái	Huy	22/01/2002	Nam	3.28	Giỏi	2999/2024/DHCQ_NLU
6	20122423	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	11/10/2002	Nữ	3.26	Giỏi	3000/2024/DHCQ_NLU
7	20122450	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	16/01/2002	Nữ	3.28	Giỏi	3001/2024/DHCQ_NLU
8	20122515	Mai Thị Hoàng	Thơ	09/02/2002	Nữ	2.96	Khá	3002/2024/DHCQ_NLU
9	20122554	Đỗ Thị Mỹ	Trinh	29/04/2001	Nữ	3.02	Khá	3003/2024/DHCQ_NLU
10	20122555	Đoàn Nguyễn Mỹ	Trinh	12/08/2002	Nữ	2.92	Khá	3004/2024/DHCQ_NLU
DH20QTC								
1	20122283	Lê Phương	Duy	07/11/2002	Nam	3.07	Khá	3005/2024/DHCQ_NLU
2	20122391	Đoàn Ngọc	My	24/03/2002	Nữ	3.18	Khá	3006/2024/DHCQ_NLU
3	20122552	Lê Quang	Trí	05/09/2002	Nam	3.03	Khá	3007/2024/DHCQ_NLU
DH20QTNT								
1	20122227	Diệp Thế	Bảo	03/11/2002	Nam	3.07	Khá	3008/2024/DHCQ_NLU
2	20122636	Thành Nữ Mai	Sum	06/08/2002	Nữ	3.17	Khá	3009/2024/DHCQ_NLU
3	20122647	Mai Thành	Trung	09/09/2002	Nam	3.14	Khá	3010/2024/DHCQ_NLU
DH20TM								
1	18122003	Nguyễn Thị Thúy	An	14/11/2000	Nữ	3.44	Giỏi	3011/2024/DHCQ_NLU
2	20122287	Huỳnh Thị Ngọc	Duyên	13/02/2002	Nữ	2.95	Khá	3012/2024/DHCQ_NLU
3	20122408	Trần Mỹ	Ngân	23/08/2002	Nữ	3.31	Giỏi	3013/2024/DHCQ_NLU
4	20122448	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	21/02/2002	Nữ	3.26	Giỏi	3014/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
5	20122468	Lê Thị Thanh	Phương	16/10/2002	Nữ	3.17	Khá	3015/2024/DHCQ_NLU
6	20122477	Trần Nhật	Quang	20/12/2002	Nam	2.73	Khá	3016/2024/DHCQ_NLU
DH21TM								
1	21122248	Nguyễn Thảo	Phát	12/01/2003	Nữ	3.42	Giỏi	3017/2024/DHCQ_NLU
Lâm nghiệp								
DH15GB								
1	15115052	Phạm Nguyễn Quỳnh	Hoa	20/02/1997	Nữ	2.65	Khá	3018/2024/DHCQ_NLU
DH17GB								
1	17115041	Phạm Minh	Hoàng	15/03/1999	Nam	2.55	Khá	3019/2024/DHCQ_NLU
DH19GN								
1	19115072	Võ Công	Minh	20/02/2001	Nam	3.26	Khá	3020/2024/DHCQ_NLU
2	19115135	Võ Trần Đình	Trung	25/10/2001	Nam	2.92	Khá	3021/2024/DHCQ_NLU
DH19LN								
1	19114011	Nguyễn Đình	Kha	07/11/2001	Nam	2.49	Trung bình	3022/2024/DHCQ_NLU
DH20CB								
1	20115257	Lê Thị Hồng	Thắm	28/02/2002	Nữ	3.12	Khá	3023/2024/DHCQ_NLU
DH20GN								
1	20115126	Lê Bích	Thảo	02/12/2002	Nữ	3.23	Giỏi	3024/2024/DHCQ_NLU
2	20128235	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	15/09/2002	Nữ	3.39	Giỏi	3025/2024/DHCQ_NLU
Môi trường và Tài nguyên								
DH14QMNT								
1	14149421	Đặng Thị Mỹ	Trinh	29/06/1996	Nữ	2.52	Khá	3026/2024/DHCQ_NLU
DH15TK								
1	15131018	Mai Hoàng	Điệp	10/07/1997	Nam	2.69	Khá	3027/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH16QM								
1	16149080	Võ Hoàng Minh	Ngân	08/10/1998	Nữ	2.66	Khá	3028/2024/DHCQ_NLU
DH17CH								
1	17131077	Đặng Thành	Nghĩa	08/04/1996	Nam	3.15	Khá	3029/2024/DHCQ_NLU
DH17MT								
1	17127015	Trần Thái	Đạt	21/01/1999	Nam	2.27	Trung bình	3030/2024/DHCQ_NLU
2	17127071	Nguyễn Thị	Thương	02/07/1999	Nữ	2.78	Khá	3031/2024/DHCQ_NLU
DH17QM								
1	17149177	Nguyễn Thị Huyền	Trang	31/05/1999	Nữ	2.93	Khá	3032/2024/DHCQ_NLU
DH18ES								
1	18163012	Nguyễn Minh	Hiếu	17/09/2000	Nam	2.83	Khá	3033/2024/DHCQ_NLU
2	18163019	Phan Lê Hoàng	Kim	27/09/2000	Nữ	2.60	Khá	3034/2024/DHCQ_NLU
3	18163025	Lý Quỳnh	Như	05/03/2000	Nữ	3.44	Giỏi	3035/2024/DHCQ_NLU
4	18163039	Thạch Cảnh	Tùng	30/09/2000	Nam	2.80	Khá	3036/2024/DHCQ_NLU
DH18QM								
1	18149008	Lê Thị	Bình	24/04/2000	Nữ	2.63	Khá	3037/2024/DHCQ_NLU
DH19ES								
1	19162001	Nguyễn Đức	Lộc	14/11/2001	Nam	2.95	Khá	3038/2024/DHCQ_NLU
DH19MT								
1	19127012	Vũ Hoàng Thu	Hoài	04/07/2001	Nữ	2.78	Khá	3039/2024/DHCQ_NLU
2	19127038	Mai Khánh	Phúc	22/10/2001	Nam	2.89	Khá	3040/2024/DHCQ_NLU
3	19127071	Phan Trọng	Vũ	29/08/2001	Nam	2.62	Khá	3041/2024/DHCQ_NLU
DH19QM								
1	19149002	Võ Thị Trâm	Anh	23/04/2001	Nữ	2.58	Khá	3042/2024/DHCQ_NLU
2	19149020	Lê	Hải	22/05/2001	Nam	2.54	Khá	3043/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH20ES								
1	20163014	Bùi Lâm Duy	Chuẩn	03/08/2002	Nam	2.62	Khá	3044/2024/DHCQ_NLU
DH20HM								
1	20166008	Phan Tuấn	Phong	07/11/2002	Nam	3.10	Khá	3045/2024/DHCQ_NLU
2	20166026	Nguyễn Thành	Đạt	27/04/2002	Nam	3.25	Giỏi	3046/2024/DHCQ_NLU
3	20166030	Nguyễn Đặng Xuân	Hiên	09/06/2002	Nữ	3.23	Giỏi	3047/2024/DHCQ_NLU
4	20166033	Nguyễn Quang	Huy	14/07/2002	Nam	2.86	Khá	3048/2024/DHCQ_NLU
5	20166034	Võ Nguyễn Quang	Khải	15/11/2002	Nam	3.07	Khá	3049/2024/DHCQ_NLU
6	20166043	Võ Thị Ngọc	Nga	27/02/2001	Nữ	2.93	Khá	3050/2024/DHCQ_NLU
7	20166054	Đỗ Minh	Quân	15/02/2002	Nam	3.32	Giỏi	3051/2024/DHCQ_NLU
DH20LA								
1	20131020	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	03/01/2002	Nữ	3.34	Giỏi	3052/2024/DHCQ_NLU
2	20131095	Phạm Thị Yến	Nhi	02/09/2002	Nữ	3.40	Giỏi	3053/2024/DHCQ_NLU
3	20131101	Lê Thị Thảo	Quyên	26/07/2002	Nữ	3.33	Giỏi	3054/2024/DHCQ_NLU
DH20LH								
1	20131007	Nguyễn Thị Băng	Châu	15/10/2002	Nữ	3.11	Khá	3055/2024/DHCQ_NLU
2	20131009	Lê Thị Mỹ	Diệu	01/01/2002	Nữ	3.44	Giỏi	3056/2024/DHCQ_NLU
3	20131012	Ngô Hoàng	Giang	06/12/2002	Nữ	3.21	Giỏi	3057/2024/DHCQ_NLU
4	20131058	Nguyễn Huỳnh Thị Quế	Trân	12/06/2002	Nữ	3.32	Giỏi	3058/2024/DHCQ_NLU
5	20131076	Lê Thanh	Bình	15/06/2002	Nam	3.21	Giỏi	3059/2024/DHCQ_NLU
DH20MT								
1	20127024	Nguyễn Lê Hoàng	Khang	01/02/2002	Nam	2.88	Khá	3060/2024/DHCQ_NLU
2	20127093	Phạm Quốc	An	04/04/2002	Nam	2.66	Khá	3061/2024/DHCQ_NLU
3	20127117	Phan Thị Thùy	Linh	13/09/2002	Nữ	2.79	Khá	3062/2024/DHCQ_NLU
4	20127123	Nguyễn Lê Bảo	Ngân	23/05/2002	Nữ	2.60	Khá	3063/2024/DHCQ_NLU
5	20127138	Nguyễn Duy	Tâm	09/02/2002	Nam	2.86	Khá	3064/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH20QM								
1	20149013	Huỳnh Thị Kim	Cương	29/11/2002	Nữ	2.70	Khá	3065/2024/DHCQ_NLU
2	20149137	Trịnh Chí	Bảo	16/05/2002	Nam	2.77	Khá	3066/2024/DHCQ_NLU
3	20149177	Trần Hồng Ngọc	Linh	24/10/2002	Nữ	2.68	Khá	3067/2024/DHCQ_NLU
4	20149196	Đỗ Thị Huỳnh	Như	12/03/2002	Nữ	2.62	Khá	3068/2024/DHCQ_NLU
5	20149235	Trần Thị Cẩm	Tiên	24/02/2002	Nữ	2.65	Khá	3069/2024/DHCQ_NLU
6	20149241	Phạm Thanh	Trang	02/10/2002	Nữ	2.68	Khá	3070/2024/DHCQ_NLU
7	20149257	Nguyễn Hoàng Thúy	Vi	14/09/2002	Nữ	2.89	Khá	3071/2024/DHCQ_NLU
Nông học								
DH15NHGL								
1	15113236	Nguyễn Tiến	Đạt	/ /1999	Nam	2.42	Trung bình	3072/2024/DHCQ_NLU
DH17NHC								
1	17113057	Hoàng Ngọc	Hiếu	01/01/1999	Nam	3.29	Giỏi	3073/2024/DHCQ_NLU
DH18BV								
1	18145001	Nguyễn Thị Thúy	An	08/07/2000	Nữ	2.92	Khá	3074/2024/DHCQ_NLU
2	18145029	Phạm Triệu	Khiêm	17/11/2000	Nam	3.02	Khá	3075/2024/DHCQ_NLU
DH18NHB								
1	18113028	Ngô Văn	Hải	08/04/2000	Nam	2.82	Khá	3076/2024/DHCQ_NLU
DH19BV								
1	19145056	Đỗ Thị Kim	Ngọc	02/04/2001	Nữ	2.94	Khá	3077/2024/DHCQ_NLU
2	19145094	Lê Nhựt	Tiến	06/01/2001	Nam	3.06	Khá	3078/2024/DHCQ_NLU
DH19NHA								
1	19113018	Trần Đức	Cương	18/10/2001	Nam	2.79	Khá	3079/2024/DHCQ_NLU
DH19NHB								
1	18113165	Nông Thị Hoài	Thương	20/07/2000	Nữ	2.98	Khá	3080/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	19113077	Phạm Phước	Lâm	10/02/2001	Nam	2.80	Khá	3081/2024/DHCQ_NLU
3	19113141	Lê Thị	Thắm	08/03/2001	Nữ	3.22	Giỏi	3082/2024/DHCQ_NLU
DH19NHGL								
1	19113207	Nguyễn Đức	Phương	28/10/2001	Nam	2.81	Khá	3083/2024/DHCQ_NLU
DH20BV								
1	20145059	Đoàn Hoàng	Quyên	15/09/2002	Nữ	3.24	Giỏi	3084/2024/DHCQ_NLU
2	20145081	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	15/12/2002	Nữ	2.91	Khá	3085/2024/DHCQ_NLU
3	20145105	Nguyễn Phạm Cường	Duy	08/05/2002	Nam	3.04	Khá	3086/2024/DHCQ_NLU
4	20145113	Huỳnh Phi	Hùng	05/10/2002	Nam	2.70	Khá	3087/2024/DHCQ_NLU
5	20145119	Trà Hoàng	Kha	11/07/2002	Nam	3.45	Giỏi	3088/2024/DHCQ_NLU
6	20145120	Nguyễn Quốc	Khang	11/06/2002	Nam	3.33	Giỏi	3089/2024/DHCQ_NLU
7	20145135	Huỳnh Lê Bảo	Ngân	11/01/2002	Nữ	3.25	Giỏi	3090/2024/DHCQ_NLU
8	20145140	Phạm Đình	Nguyên	29/09/2002	Nam	2.79	Khá	3091/2024/DHCQ_NLU
9	20145143	Hà Minh	Nhựt	25/01/2002	Nam	3.33	Giỏi	3092/2024/DHCQ_NLU
10	20145144	Nguyễn Hoài	Ninh	08/04/2002	Nam	3.14	Khá	3093/2024/DHCQ_NLU
11	20145160	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	17/09/2002	Nữ	2.87	Khá	3094/2024/DHCQ_NLU
12	20145183	Lê Thị Thu	Uyên	08/07/2002	Nữ	3.51	Giỏi	3095/2024/DHCQ_NLU
DH20NHA								
1	20113036	Phạm Thị Ngọc	Hân	05/01/2002	Nữ	3.06	Khá	3096/2024/DHCQ_NLU
2	20113045	Nguyễn Minh	Hiếu	27/09/2002	Nam	2.83	Khá	3097/2024/DHCQ_NLU
3	20113055	Ngô Quang	Huy	01/01/2002	Nam	2.73	Khá	3098/2024/DHCQ_NLU
4	20113076	Bùi Minh	Luân	03/01/2002	Nam	3.13	Khá	3099/2024/DHCQ_NLU
5	20113077	Trần Thị Ngọc	Mẫn	05/10/2002	Nữ	3.08	Khá	3100/2024/DHCQ_NLU
6	20113210	Nguyễn Minh	Cảnh	01/07/2002	Nam	2.98	Khá	3101/2024/DHCQ_NLU
7	20113223	Trần Quang	Diệu	29/09/2002	Nam	2.64	Khá	3102/2024/DHCQ_NLU
8	20113227	Nguyễn Tiến	Đức	30/08/2002	Nam	3.34	Giỏi	3103/2024/DHCQ_NLU
9	20113229	Trần Anh	Dũng	19/11/2002	Nam	2.70	Khá	3104/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
10	20113230	Nguyễn Hồng Cao	Duy	02/02/2002	Nam	3.08	Khá	3105/2024/DHCQ_NLU
11	20113246	Nguyễn Thị Kim	Hoa	06/08/2002	Nữ	2.89	Khá	3106/2024/DHCQ_NLU
12	20113265	Bùi Thị Mỹ	Linh	06/11/2002	Nữ	2.73	Khá	3107/2024/DHCQ_NLU
13	20113275	Đặng Ngọc	Mai	20/01/2002	Nữ	2.90	Khá	3108/2024/DHCQ_NLU
14	20113279	Đoàn Trần Diễm	My	10/04/2002	Nữ	3.20	Giỏi	3109/2024/DHCQ_NLU
15	20113283	Phạm Hoàng	Nam	28/10/2002	Nam	2.70	Khá	3110/2024/DHCQ_NLU
DH20NHB								
1	20113113	Huỳnh Minh	Nhựt	09/08/2002	Nam	2.86	Khá	3111/2024/DHCQ_NLU
2	20113126	Phạm Thị Mỹ	Quy	09/06/2002	Nữ	3.41	Giỏi	3112/2024/DHCQ_NLU
3	20113157	Nguyễn Thị Bích	Thuỷ	18/05/2002	Nữ	3.15	Khá	3113/2024/DHCQ_NLU
4	20113172	Lê Huỳnh Xuân	Trọng	11/05/2002	Nam	3.02	Khá	3114/2024/DHCQ_NLU
5	20113185	Nguyễn Quốc	Vũ	01/10/2002	Nam	2.96	Khá	3115/2024/DHCQ_NLU
6	20113318	Dương Thị Bích	Phượng	17/02/2002	Nữ	3.21	Giỏi	3116/2024/DHCQ_NLU
7	20113322	Nguyễn Diệp Hương	Quỳnh	16/08/2002	Nữ	3.10	Khá	3117/2024/DHCQ_NLU
8	20113337	Lê Thành	Thảo	21/09/2002	Nam	2.84	Khá	3118/2024/DHCQ_NLU
9	20113345	Nguyễn Thị Nguyệt	Thu	03/06/2002	Nữ	3.15	Khá	3119/2024/DHCQ_NLU
10	20113357	Nguyễn Lê Chí	Toàn	30/07/2002	Nam	3.08	Khá	3120/2024/DHCQ_NLU
11	20113362	Trần Ngọc	Trân	06/09/2002	Nữ	2.98	Khá	3121/2024/DHCQ_NLU
12	20113365	Nguyễn Minh	Trí	15/03/2002	Nam	2.68	Khá	3122/2024/DHCQ_NLU
13	20113370	Nguyễn Đăng	Trọng	02/06/2002	Nam	2.71	Khá	3123/2024/DHCQ_NLU
14	20113396	Hồ Thị Như	Ý	12/02/2002	Nữ	3.25	Giỏi	3124/2024/DHCQ_NLU
Ngoại ngữ - Sư phạm								
DH17AV								
1	17128400	Nguyễn Thị Thùy	Linh	09/04/1999	Nữ	2.69	Khá	3125/2024/DHCQ_NLU
DH18AV								
1	18128027	Phan Thị Kim	Diệu	27/03/2000	Nữ	2.72	Khá	3126/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH19AV								
1	19128014	Đào Tiểu	Băng	23/04/2001	Nữ	2.59	Khá	3127/2024/DHCQ_NLU
2	19128071	Đàm Trần Thu	Lài	04/12/2001	Nữ	2.49	Trung bình	3128/2024/DHCQ_NLU
3	19128107	Dương Vĩnh	Nghi	27/03/2000	Nữ	2.74	Khá	3129/2024/DHCQ_NLU
DH20AV								
1	20128152	Phan Phạm Ngọc	Bích	29/09/2002	Nữ	2.70	Khá	3130/2024/DHCQ_NLU
2	20128163	Hà Tiến	Đạt	29/06/2002	Nam	2.88	Khá	3131/2024/DHCQ_NLU
3	20128222	Trần Hồng	Ngọc	30/11/2002	Nữ	2.21	Trung bình	3132/2024/DHCQ_NLU
4	20128249	Nguyễn Minh	Quang	05/04/2002	Nam	2.64	Khá	3133/2024/DHCQ_NLU
5	20128261	Nguyễn Khắc Bảo	Thái	04/03/2002	Nam	2.58	Khá	3134/2024/DHCQ_NLU
6	20128262	Nguyễn Quốc	Thái	02/05/2002	Nam	3.12	Khá	3135/2024/DHCQ_NLU
7	20128280	Vũ Lê Bích	Thương	12/01/2002	Nữ	2.46	Trung bình	3136/2024/DHCQ_NLU
8	20128283	Nguyễn Kiều	Tiên	05/08/2002	Nữ	2.68	Khá	3137/2024/DHCQ_NLU
CD20MNNTA								
1	2011402010036	Kiều Nữ Hồng	Xoan	21/11/2002	Nữ	6.55	Trung bình khá	3138/2024/CDCQ_NLU
Quản lý đất đai và Bất động sản								
DH14QLA								
1	14124008	Lê Thị Trâm	Anh	23/10/1996	Nữ	2.76	Khá	3139/2024/DHCQ_NLU
2	14124236	Nguyễn Thị	Phúc	03/08/1993	Nữ	2.52	Khá	3140/2024/DHCQ_NLU
DH15QLA								
1	15124309	Trần Đức	Tiến	21/02/1994	Nam	2.54	Khá	3141/2024/DHCQ_NLU
DH15TB								
1	15124197	Trương Thị Bảo	Nhi	14/09/1995	Nữ	3.18	Khá	3142/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH17QL								
1	17124131	Trần Lê	Phát	02/02/1999	Nam	2.57	Khá	3143/2024/DHCQ_NLU
2	17124150	Nguyễn Ngọc	Tân	18/10/1999	Nam	2.32	Trung bình	3144/2024/DHCQ_NLU
DH19QL								
1	19124026	Huỳnh Gia	Bảo	26/05/2001	Nam	2.82	Khá	3145/2024/DHCQ_NLU
2	19124153	Phạm Vũ	Luân	11/01/2001	Nam	2.69	Khá	3146/2024/DHCQ_NLU
3	19124315	Nguyễn Ngọc Vân	Tuyền	11/12/2001	Nữ	2.57	Khá	3147/2024/DHCQ_NLU
DH19TB								
1	19124208	Võ Thị Kiều	Oanh	23/12/2001	Nữ	2.95	Khá	3148/2024/DHCQ_NLU
2	19124300	Nguyễn Minh	Trí	19/05/2001	Nam	2.51	Khá	3149/2024/DHCQ_NLU
DH20QD								
1	20124364	Trà Quỳnh	Lĩnh	25/07/2002	Nam	2.89	Khá	3150/2024/DHCQ_NLU
DH20QL								
1	20124146	Lê Thị Chúc	Ni	11/01/2002	Nữ	2.42	Trung bình	3151/2024/DHCQ_NLU
2	20124220	Cao Thụy Phương	Trúc	13/02/2002	Nữ	2.69	Khá	3152/2024/DHCQ_NLU
3	20124256	Huỳnh Thị Hoài	An	17/12/2002	Nữ	2.81	Khá	3153/2024/DHCQ_NLU
4	20124281	Nguyễn Quốc	Đạt	14/10/2002	Nam	2.60	Khá	3154/2024/DHCQ_NLU
5	20124367	Nguyễn Ngọc	Lợi	22/07/2002	Nam	2.82	Khá	3155/2024/DHCQ_NLU
6	20124368	Lê Nguyễn Hoàng	Long	24/01/2002	Nam	2.80	Khá	3156/2024/DHCQ_NLU
7	20124375	Nguyễn Lê Tiểu	Mẫn	03/01/2002	Nữ	2.83	Khá	3157/2024/DHCQ_NLU
8	20124378	Nguyễn Thị Hà	My	13/06/2002	Nữ	2.56	Khá	3158/2024/DHCQ_NLU
9	20124385	Đoàn Trúc	Ngân	27/10/2002	Nữ	2.91	Khá	3159/2024/DHCQ_NLU
10	20124458	Nguyễn Minh	Sang	23/06/2002	Nam	2.63	Khá	3160/2024/DHCQ_NLU
11	20124489	Đặng Bảo	Thư	29/10/2002	Nữ	2.92	Khá	3161/2024/DHCQ_NLU
12	20124512	Lê Hoàng Bảo	Trâm	29/10/2002	Nữ	2.58	Khá	3162/2024/DHCQ_NLU
13	20124524	Nguyễn Ngọc Thùy	Trang	23/10/2002	Nữ	2.90	Khá	3163/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
14	20124554	Lê Xuân	Vũ	27/11/2001	Nam	3.29	Giỏi	3164/2024/DHCQ_NLU
Khoa học sinh học								
DH14SHA								
1	14126325	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	01/11/1996	Nữ	3.04	Khá	3165/2024/DHCQ_NLU
DH17SHC								
1	17126184	Đinh Quốc	Toàn	16/05/1999	Nam	2.94	Khá	3166/2024/DHCQ_NLU
DH18SHB								
1	18126001	Nguyễn Duy	An	23/06/2000	Nam	2.79	Khá	3167/2024/DHCQ_NLU
DH18SHD								
1	18126132	Từ Thiên	Phúc	17/07/2000	Nam	3.04	Khá	3168/2024/DHCQ_NLU
DH19SHA								
1	19126070	Nguyễn Thị Thu	Huyền	06/02/2001	Nữ	3.34	Giỏi	3169/2024/DHCQ_NLU
2	19126072	Võ Như	Kha	12/09/2001	Nữ	3.02	Khá	3170/2024/DHCQ_NLU
DH19SHB								
1	19126082	Lê Hữu	Lễ	13/04/2001	Nam	3.25	Giỏi	3171/2024/DHCQ_NLU
2	19126187	Lê Thị Quỳnh	Trâm	09/01/2001	Nữ	3.39	Giỏi	3172/2024/DHCQ_NLU
3	19126215	Trương Anh	Tuấn	16/07/2001	Nam	2.80	Khá	3173/2024/DHCQ_NLU
DH19SHC								
1	19126243	Trà Ngọc Phương	An	04/10/2001	Nữ	3.03	Khá	3174/2024/DHCQ_NLU
2	19126252	Lê Thị Tuyết	Nga	14/05/2001	Nữ	2.89	Khá	3175/2024/DHCQ_NLU
DH19SHD								
1	19126016	Nguyễn Thanh	Cảnh	22/09/2001	Nam	3.20	Giỏi	3176/2024/DHCQ_NLU
2	19126055	Trần Thị	Hồng	12/08/2001	Nữ	2.92	Khá	3177/2024/DHCQ_NLU
3	19126183	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Tiên	18/02/2001	Nữ	2.85	Khá	3178/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH19SM								
1	18126203	Vũ Thị Hồng	Tươi	21/10/2000	Nữ	3.12	Khá	3179/2024/DHCQ_NLU
2	19126180	Hồ Thị Kim	Thủy	13/08/2001	Nữ	3.32	Giỏi	3180/2024/DHCQ_NLU
3	19126198	Vũ Thị Huyền	Trang	22/09/2001	Nữ	2.97	Khá	3181/2024/DHCQ_NLU
DH20SHA								
1	19126042	Phùng Thị Ngọc	Hân	04/01/2001	Nữ	3.40	Giỏi	3182/2024/DHCQ_NLU
2	20126075	Kiều Đăng Minh	Nhựt	10/02/2002	Nam	3.28	Giỏi	3183/2024/DHCQ_NLU
3	20126267	Lê Kim	Khánh	09/10/2001	Nữ	3.09	Khá	3184/2024/DHCQ_NLU
DH20SHB								
1	20126046	Đỗ Trinh	Ngân	13/08/2002	Nữ	3.04	Khá	3185/2024/DHCQ_NLU
DH20SHD								
1	20126372	Lê Thị Diễm	Thuý	01/09/2002	Nữ	3.00	Khá	3186/2024/DHCQ_NLU
LT17SH								
1	17426004	Võ Tấn	Phúc	30/06/1995	Nam	2.51	Khá	3187/2024/DHCQ_NLU
Công nghệ thông tin								
DH16DTA								
1	16130594	Đỗ Quang	Thịnh	18/06/1998	Nam	2.55	Khá	3188/2024/DHCQ_NLU
DH18DTA								
1	18130251	Nguyễn Huyền	Trang	20/07/2000	Nữ	2.48	Trung bình	3189/2024/DHCQ_NLU
DH18DTB								
1	18130191	Nguyễn Thị	Quí	01/08/2000	Nữ	2.49	Trung bình	3190/2024/DHCQ_NLU
DH18DTC								
1	18130017	Trần Thanh	Bảo	15/11/2000	Nam	2.90	Khá	3191/2024/DHCQ_NLU
DH19DTA								
1	19130022	Nguyễn Minh	Châu	14/06/2001	Nam	3.19	Khá	3192/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	19130072	Nguyễn Ngọc	Hiếu	04/03/2001	Nam	2.51	Khá	3193/2024/DHCQ_NLU
DH19DTB								
1	19130033	Phan Tấn	Đạt	15/01/2001	Nam	2.09	Trung bình	3194/2024/DHCQ_NLU
DH19DTC								
1	19130018	Nguyễn Công	Bình	23/03/2001	Nam	2.27	Trung bình	3195/2024/DHCQ_NLU
2	19130032	Phạm Lê Minh	Đạt	21/11/2001	Nam	2.13	Trung bình	3196/2024/DHCQ_NLU
3	19130150	Lương Khánh	Nghĩa	12/01/2001	Nam	2.27	Trung bình	3197/2024/DHCQ_NLU
4	19130213	Đỗ Duy	Thịnh	19/09/1999	Nam	2.98	Khá	3198/2024/DHCQ_NLU
DH20DTA								
1	20130193	Hồ Thanh Hoài	An	14/12/2002	Nam	3.13	Khá	3199/2024/DHCQ_NLU
2	20130260	Hoàng Trung	Hiếu	11/11/2002	Nam	2.56	Khá	3200/2024/DHCQ_NLU
DH20DTB								
1	20130074	Huỳnh Quốc	Nam	22/01/2002	Nam	2.67	Khá	3201/2024/DHCQ_NLU
2	20130197	Nguyễn Thị Kim	Anh	02/12/2002	Nữ	2.27	Trung bình	3202/2024/DHCQ_NLU
3	20130346	Trần Duy	Nhân	17/11/2002	Nam	2.52	Khá	3203/2024/DHCQ_NLU
DH20DTC								
1	20130250	Lê Thị Mỹ	Hạnh	22/11/2002	Nữ	2.82	Khá	3204/2024/DHCQ_NLU
2	20130337	Trần Bùi Tuấn	Ngọc	17/07/2002	Nam	2.84	Khá	3205/2024/DHCQ_NLU
Công nghệ Hóa học và Thực phẩm								
DH15HD								
1	15139048	Nguyễn Thị Xuân	Hương	08/04/1996	Nữ	2.64	Khá	3206/2024/DHCQ_NLU
DH17BQ								
1	17125493	Huỳnh Thị Cẩm	Nhung	25/12/1999	Nữ	3.16	Khá	3207/2024/DHCQ_NLU
DH17HT								
1	17139049	Trần Thị Huỳnh	Hoa	26/07/1999	Nữ	2.69	Khá	3208/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH18DD								
1	18125515	Nguyễn Thị Hà	Êban	24/06/1999	Nữ	2.68	Khá	3209/2024/DHCQ_NLU
DH18HT								
1	18139177	Trương Thanh	Thao	01/01/2000	Nam	3.02	Khá	3210/2024/DHCQ_NLU
2	18139221	Tào Quang	Tuyền	01/04/2000	Nam	2.89	Khá	3211/2024/DHCQ_NLU
DH18VT								
1	18125119	Hoàng Thị Mai	Hương	13/09/2000	Nữ	2.58	Khá	3212/2024/DHCQ_NLU
DH19BQ								
1	19125041	Nguyễn Phương	Đan	28/09/2001	Nữ	2.63	Khá	3213/2024/DHCQ_NLU
2	19125106	Tưởng Mai	Hoa	15/11/2001	Nữ	2.85	Khá	3214/2024/DHCQ_NLU
3	19125900	Lê Trần	Tính	26/09/2000	Nam	3.24	Giỏi	3215/2024/DHCQ_NLU
DH19BQC								
1	19125489	Nguyễn Tấn	Thanh	18/11/2001	Nam	2.98	Khá	3216/2024/DHCQ_NLU
DH19HD								
1	19139205	Dương Ngọc Thúy	Vy	08/11/2001	Nữ	2.75	Khá	3217/2024/DHCQ_NLU
DH19HS								
1	19139162	Trần Thị Ngọc	Thư	04/04/2001	Nữ	2.97	Khá	3218/2024/DHCQ_NLU
DH19HT								
1	19139132	Nguyễn Hoàng Mỹ	Phương	06/02/2001	Nữ	2.76	Khá	3219/2024/DHCQ_NLU
DH19TP								
1	19125510	Nguyễn Thị	Duyên	19/10/2001	Nữ	2.91	Khá	3220/2024/DHCQ_NLU
2	19125511	Mai Thị Gia	Gia	04/11/2001	Nữ	2.79	Khá	3221/2024/DHCQ_NLU
DH19VT								
1	19125318	Nguyễn Thị Xuân	Thắm	30/05/2001	Nữ	3.17	Khá	3222/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH20BQ								
1	20125310	Đỗ Nữ Quỳnh	An	19/10/2002	Nữ	2.95	Khá	3223/2024/DHCQ_NLU
2	20125354	Lê Thị Kiều	Diễm	17/01/2002	Nữ	3.36	Giỏi	3224/2024/DHCQ_NLU
3	20125355	Nguyễn Ngọc Bích	Diễm	01/01/2002	Nữ	2.83	Khá	3225/2024/DHCQ_NLU
4	20125367	Cao Nguyễn Thùy	Dương	23/10/2002	Nữ	2.70	Khá	3226/2024/DHCQ_NLU
5	20125371	Nguyễn Đình Khánh	Duy	03/07/2002	Nam	3.08	Khá	3227/2024/DHCQ_NLU
6	20125394	Nguyễn Thị Kim	Hằng	17/01/2001	Nữ	3.47	Giỏi	3228/2024/DHCQ_NLU
7	20125396	Trần Phượng	Hằng	28/01/2002	Nữ	3.12	Khá	3229/2024/DHCQ_NLU
8	20125397	Trần Thị Thúy	Hằng	11/08/2001	Nữ	3.25	Giỏi	3230/2024/DHCQ_NLU
9	20125419	Nguyễn Thị Kim	Hoàng	12/05/2002	Nữ	2.92	Khá	3231/2024/DHCQ_NLU
10	20125452	Nguyễn Văn Duy	Khánh	03/07/2002	Nam	2.88	Khá	3232/2024/DHCQ_NLU
11	20125500	Nguyễn Chí	Luân	07/04/2002	Nam	3.45	Giỏi	3233/2024/DHCQ_NLU
12	20125513	Trần Thị Ngọc	Mai	02/02/2002	Nữ	3.09	Khá	3234/2024/DHCQ_NLU
13	20125514	Lê Huỳnh Huệ	Mẫn	05/06/2002	Nữ	3.05	Khá	3235/2024/DHCQ_NLU
14	20125525	Huỳnh Thị Hương	Mơ	25/06/2002	Nữ	2.89	Khá	3236/2024/DHCQ_NLU
15	20125586	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	01/01/2002	Nữ	2.65	Khá	3237/2024/DHCQ_NLU
16	20125597	Nguyễn Quỳnh	Như	16/10/2002	Nữ	2.98	Khá	3238/2024/DHCQ_NLU
17	20125614	Đỗ Thị Kiều	Oanh	20/12/2002	Nữ	3.10	Khá	3239/2024/DHCQ_NLU
18	20125620	Nguyễn Ngọc	Phát	01/04/2002	Nam	3.49	Giỏi	3240/2024/DHCQ_NLU
19	20125647	Phan Thị Mỹ	Quyên	26/11/2002	Nữ	3.34	Giỏi	3241/2024/DHCQ_NLU
20	20125724	Phạm Thị Đang	Thùy	01/05/2002	Nữ	2.78	Khá	3242/2024/DHCQ_NLU
21	20125764	Lê Ngọc Phương	Trinh	15/02/2002	Nữ	2.93	Khá	3243/2024/DHCQ_NLU
DH20BQC								
1	20125218	Trịnh Xuân	Thành	19/06/2002	Nam	3.26	Giỏi	3244/2024/DHCQ_NLU
2	20125727	Đặng Thị Thanh	Thủy	31/01/2002	Nữ	3.41	Giỏi	3245/2024/DHCQ_NLU
DH20DD								
1	20125062	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	31/05/2002	Nữ	3.29	Giỏi	3246/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	20125303	Nguyễn Ngọc Thanh	Thảo	22/07/2002	Nữ	3.09	Khá	3247/2024/DHCQ_NLU
3	20125326	Trần Hồng	Ánh	06/03/2002	Nữ	2.75	Khá	3248/2024/DHCQ_NLU
4	20125334	Trương Quốc	Bửu	20/10/2002	Nam	3.10	Khá	3249/2024/DHCQ_NLU
5	20125415	Trần Cao Khánh	Hoà	22/07/2002	Nữ	3.02	Khá	3250/2024/DHCQ_NLU
6	20125423	Phạm Thị Thu	Hồng	15/01/2002	Nữ	3.27	Giỏi	3251/2024/DHCQ_NLU
7	20125463	Nguyễn Tuấn	Kiệt	08/08/2002	Nam	3.35	Giỏi	3252/2024/DHCQ_NLU
8	20125543	Huỳnh Thị Tuyết	Ngân	29/08/2002	Nữ	3.12	Khá	3253/2024/DHCQ_NLU
9	20125605	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	17/10/2002	Nữ	2.44	Trung bình	3254/2024/DHCQ_NLU
10	20125634	Phạm Hoàng Minh	Phương	07/04/2002	Nữ	2.83	Khá	3255/2024/DHCQ_NLU
11	20125779	Trần Thị Cẩm	Tú	22/06/2002	Nữ	2.71	Khá	3256/2024/DHCQ_NLU
DH20HD								
1	20139070	Đoàn Duy	Long	11/04/2002	Nam	2.95	Khá	3257/2024/DHCQ_NLU
2	20139171	Nguyễn Nhật	An	16/01/2002	Nam	3.52	Giỏi	3258/2024/DHCQ_NLU
3	20139178	Nguyễn Phi	Bằng	21/10/2002	Nam	2.79	Khá	3259/2024/DHCQ_NLU
4	20139189	Trương Tấn	Đạt	15/03/2002	Nam	3.16	Khá	3260/2024/DHCQ_NLU
5	20139218	Nguyễn Thị Thu	Hòa	09/11/2002	Nữ	2.60	Khá	3261/2024/DHCQ_NLU
6	20139229	Phạm Ngọc	Huyền	09/04/2002	Nữ	2.93	Khá	3262/2024/DHCQ_NLU
7	20139233	Lê Nhã	Khanh	08/02/2002	Nữ	3.07	Khá	3263/2024/DHCQ_NLU
8	20139234	Nguyễn Hữu Gia	Khánh	26/11/2002	Nam	3.40	Giỏi	3264/2024/DHCQ_NLU
9	20139242	Nguyễn Thị Mai	Liên	27/12/2002	Nữ	2.94	Khá	3265/2024/DHCQ_NLU
10	20139243	Lê Thị Thuý	Liễu	04/03/2002	Nữ	3.06	Khá	3266/2024/DHCQ_NLU
11	20139256	Nguyễn Thị Kiều	Mi	18/01/2002	Nữ	2.93	Khá	3267/2024/DHCQ_NLU
12	20139263	Trần Thị Hồng	Ngân	29/04/2002	Nữ	2.80	Khá	3268/2024/DHCQ_NLU
13	20139267	Võ Trần Kim	Ngân	10/01/2002	Nữ	2.87	Khá	3269/2024/DHCQ_NLU
14	20139279	Đặng Đức	Nhân	23/10/2002	Nam	2.94	Khá	3270/2024/DHCQ_NLU
15	20139281	Hồ Nguyễn	Nhi	28/09/2002	Nữ	2.68	Khá	3271/2024/DHCQ_NLU
16	20139291	Lê Minh	Phát	14/06/2002	Nam	3.25	Giỏi	3272/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
17	20139297	Nguyễn Thị Thanh	Phúc	06/02/2002	Nữ	2.60	Khá	3273/2024/DHCQ_NLU
18	20139305	Hà Hữu	Quy	12/05/2002	Nam	3.34	Giỏi	3274/2024/DHCQ_NLU
19	20139317	Phan Thanh	Tâm	27/01/2002	Nữ	3.15	Khá	3275/2024/DHCQ_NLU
20	20139325	Phạm Phúc	Thịnh	06/06/2001	Nam	2.72	Khá	3276/2024/DHCQ_NLU
21	20139331	Huỳnh Thị Ngọc	Thư	19/09/2002	Nữ	2.68	Khá	3277/2024/DHCQ_NLU
22	20139338	Phan Thị	Thương	17/01/2002	Nữ	2.79	Khá	3278/2024/DHCQ_NLU
23	20139342	Nguyễn Anh	Thy	13/02/2002	Nữ	3.41	Giỏi	3279/2024/DHCQ_NLU
24	20139348	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm	22/07/2002	Nữ	2.86	Khá	3280/2024/DHCQ_NLU
25	20139350	Nguyễn Ngọc	Trăm	27/09/2002	Nữ	3.07	Khá	3281/2024/DHCQ_NLU
26	20139363	Cao Thanh	Trúc	12/02/2002	Nữ	2.91	Khá	3282/2024/DHCQ_NLU
27	20139370	Phạm Thị Ngọc	Tuyền	31/05/2002	Nữ	3.01	Khá	3283/2024/DHCQ_NLU
DH20HS								
1	20139022	Nguyễn Thị Thùy	Dương	16/08/2002	Nữ	3.27	Giỏi	3284/2024/DHCQ_NLU
2	20139067	Lưu Yến	Linh	28/12/2002	Nữ	3.02	Khá	3285/2024/DHCQ_NLU
3	20139076	Lư Trần Tú	My	07/08/2002	Nữ	2.94	Khá	3286/2024/DHCQ_NLU
4	20139092	Phạm Thị Ngọc	Nhi	27/05/2002	Nữ	3.41	Giỏi	3287/2024/DHCQ_NLU
5	20139094	Tống Thị Hồng	Nhung	26/08/2002	Nữ	2.50	Khá	3288/2024/DHCQ_NLU
6	20139140	Chung Nguyễn Cẩm	Tú	20/06/2002	Nữ	2.72	Khá	3289/2024/DHCQ_NLU
7	20139173	Lê Ngọc Như	Anh	14/08/2002	Nữ	2.75	Khá	3290/2024/DHCQ_NLU
8	20139177	Phan Thị Kim	Anh	15/05/2002	Nữ	3.00	Khá	3291/2024/DHCQ_NLU
9	20139197	Ngô Thị Thùy	Dương	02/11/2002	Nữ	3.59	Giỏi	3292/2024/DHCQ_NLU
10	20139200	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	10/07/2002	Nữ	2.90	Khá	3293/2024/DHCQ_NLU
11	20139207	Hồ Tấn	Hào	15/01/2002	Nam	3.17	Khá	3294/2024/DHCQ_NLU
12	20139292	Vũ Đình	Phi	16/04/2002	Nam	2.90	Khá	3295/2024/DHCQ_NLU
13	20139295	Trần Văn	Phú	01/06/2002	Nam	2.85	Khá	3296/2024/DHCQ_NLU
14	20139302	Nguyễn Hoàng	Quân	31/03/2002	Nam	2.91	Khá	3297/2024/DHCQ_NLU
15	20139304	Lương Thịnh	Quí	20/07/2002	Nam	2.58	Khá	3298/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
16	20139314	Nguyễn Thanh	Sơn	06/09/2001	Nam	3.17	Khá	3299/2024/DHCQ_NLU
17	20139315	Trương Ngọc	Sơn	11/04/2002	Nam	2.75	Khá	3300/2024/DHCQ_NLU
18	20139343	Nguyễn Đức	Tín	31/01/2002	Nam	2.63	Khá	3301/2024/DHCQ_NLU
19	20139344	Mai Thanh	Tình	14/09/2002	Nam	3.06	Khá	3302/2024/DHCQ_NLU
20	20139352	Phạm Lê Huyền	Trân	27/04/2001	Nữ	2.57	Khá	3303/2024/DHCQ_NLU
21	20139358	Đoàn Thị Nhật	Trinh	27/09/2002	Nữ	2.64	Khá	3304/2024/DHCQ_NLU
22	20139360	Nguyễn Kim	Trinh	14/07/2002	Nữ	2.90	Khá	3305/2024/DHCQ_NLU
DH20HT								
1	20139154	Trương Thị Lê	Vy	14/05/2002	Nữ	2.78	Khá	3306/2024/DHCQ_NLU
2	20139172	Trần Nguyễn Thiên	Ân	31/01/2002	Nam	2.76	Khá	3307/2024/DHCQ_NLU
3	20139175	Nguyễn Nhựt	Anh	10/04/2002	Nam	3.40	Giỏi	3308/2024/DHCQ_NLU
4	20139187	Đỗ Thành	Đạt	19/01/2001	Nam	2.77	Khá	3309/2024/DHCQ_NLU
5	20139203	Trần Thị Thu	Hà	02/06/2002	Nữ	2.68	Khá	3310/2024/DHCQ_NLU
6	20139224	Lê Thị Thu	Hương	22/02/2002	Nữ	2.88	Khá	3311/2024/DHCQ_NLU
7	20139225	Phạm Mai	Hương	01/07/2002	Nữ	2.94	Khá	3312/2024/DHCQ_NLU
8	20139228	Lê Thị Thanh	Huyền	19/03/2002	Nữ	2.68	Khá	3313/2024/DHCQ_NLU
9	20139238	Thái Thị	Lan	26/01/2002	Nữ	2.83	Khá	3314/2024/DHCQ_NLU
10	20139290	Trần Thị Kiều	Oanh	27/04/2002	Nữ	3.07	Khá	3315/2024/DHCQ_NLU
11	20139310	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	24/06/2002	Nữ	3.12	Khá	3316/2024/DHCQ_NLU
12	20139321	Huỳnh Lê Phương	Thảo	23/09/2002	Nữ	2.78	Khá	3317/2024/DHCQ_NLU
DH20VT								
1	20125001	Nguyễn Thúy	An	09/05/2002	Nữ	2.95	Khá	3318/2024/DHCQ_NLU
2	20125309	Đặng Nguyễn Hoàng	An	29/11/2002	Nam	2.87	Khá	3319/2024/DHCQ_NLU
3	20125340	Phạm Thị Kim	Châu	31/12/2002	Nữ	3.02	Khá	3320/2024/DHCQ_NLU
4	20125343	Nguyễn Thị Kim	Cương	12/02/2002	Nữ	3.57	Giỏi	3321/2024/DHCQ_NLU
5	20125386	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	23/06/2002	Nữ	2.62	Khá	3322/2024/DHCQ_NLU
6	20125402	Nguyễn Trình	Hậu	03/09/2002	Nam	3.28	Giỏi	3323/2024/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
7	20125480	Ngô Mộng Thúy	Linh	06/03/2002	Nữ	3.34	Giỏi	3324/2024/DHCQ_NLU
8	20125640	Bùi Minh	Quân	10/04/2002	Nam	2.65	Khá	3325/2024/DHCQ_NLU
9	20125692	Võ Thị Thu	Thảo	08/11/2002	Nữ	3.28	Giỏi	3326/2024/DHCQ_NLU
10	20125713	Nguyễn Thị Anh	Thư	15/09/2002	Nữ	3.45	Giỏi	3327/2024/DHCQ_NLU
11	20125822	Lê Thị Như	Ý	07/01/2002	Nữ	3.15	Khá	3328/2024/DHCQ_NLU
Thủy sản								
DH17KS								
1	17116196	Hồ Thị Ngọc	Yên	25/08/1998	Nữ	2.73	Khá	3329/2024/DHCQ_NLU
DH18NT								
1	18116052	Phạm Minh	Nhật	03/08/2000	Nam	2.74	Khá	3330/2024/DHCQ_NLU
DH18NTNT								
1	18125513	Trần Thị Kim	Yến	22/05/2000	Nữ	2.44	Trung bình	3331/2024/DHCQ_NLU
DH19CT								
1	19117016	Hoàng Thiên	Hằng	10/10/2001	Nữ	2.54	Khá	3332/2024/DHCQ_NLU
2	19117082	Đặng Trung	Thuận	09/12/2001	Nam	2.38	Trung bình	3333/2024/DHCQ_NLU
DH20NT								
1	20116208	Nguyễn Kim	Khánh	28/12/2002	Nam	2.74	Khá	3334/2024/DHCQ_NLU
2	20116248	Nguyễn Ngọc	Tân	21/11/2002	Nam	2.61	Khá	3335/2024/DHCQ_NLU
3	20116276	Hà Trần Quốc	Tiến	24/01/2002	Nam	2.77	Khá	3336/2024/DHCQ_NLU
DH20NY								
1	20116031	Lê Thị Hồng	Hảo	05/10/2002	Nữ	2.16	Trung bình	3337/2024/DHCQ_NLU
2	20116160	Trần Thị Mỹ	Duyên	08/12/2002	Nữ	3.05	Khá	3338/2024/DHCQ_NLU

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn